

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 04 - 2026

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Kim Dung, bà Trần Thị Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 06/4/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc Xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 2 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Bản A, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là bản A, xã L, tỉnh Sơn La). Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Trương Tấn D. Địa chỉ: Tổ A phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tổ dân phố A phường M, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc C. Địa chỉ: Thôn H, Hồ N, V, tỉnh Bắc Giang. (nay là Tổ dân phố H, Phường V, Tỉnh Bắc Ninh). Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ye G, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Số E, Bình Đ, làng T, thị trấn M, thành phố N, tỉnh Phúc Kiến, nước CHDCND T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về tình cảm, quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ye G kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tình hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La, Việt Nam ngày 25/4/2019. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại Việt Nam đến tháng 5/2019 thì chuyển sang Trung Quốc định cư. Trong thời gian sinh sống tại Trung Quốc chị và anh Ye G phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến tháng 7/2020 chị T

quay trở về Việt Nam, anh Ye G vẫn sinh sống ở Trung Quốc, anh chị sống ly thân với nhau từ thời điểm đó đến nay. Việc chị T làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, anh Ye G đồng ý nhất trí việc ly hôn và toàn bộ yêu cầu của chị T.

Về con chung: Chị T và anh G không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra tại bản tự khai anh đề nghị xin vắng mặt toàn bộ các phiên họp và phiên tòa, do khoảng cách địa lý xa và tính chất công việc.

Về bị đơn anh Ye G: Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Việt Nam đã thực hiện ủy thác tư pháp đến cơ quan có thẩm quyền để tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập ý kiến của bị đơn theo địa chỉ được cung cấp tại đơn khởi kiện. Ngày 03/12/2025 anh Ye G gửi bản tự khai đến Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La với nội dung:

Về tình cảm, quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lò Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La, Việt Nam ngày 25/4/2019. Quá trình chung sống và mâu thuẫn như chị T đã khai. Nay chị T có đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, anh nhất trí toàn bộ yêu cầu của chị T.

Về con chung: Không có .

Về tài sản chung, nợ chung: Không có .

Ngoài ra anh Ye G đề nghị xin vắng mặt toàn bộ các phiên họp và phiên tòa, do khoảng cách địa lý xa và tính chất công việc và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời khai trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành:

Ngày 14/7/2025 và ngày 15/10/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã gửi văn bản về việc ủy thác tư pháp đối với vụ án, đến ngày 16/12/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhận được công văn số 3343/CH-BTP của Bộ Tư pháp, với nội dung chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của TAND tỉnh Sơn La để tổng đạt giấy tờ đối với đương sự Ye Goufeng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 464, 469, 476, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, đề nghị tòa án xử cho chị T ly hôn với anh Ye G1 .

- Về con chung; Tài sản chung; Nợ chung, nợ riêng không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí, lệ phí tố tụng: chị Lò Thị T phải chịu án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 06/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình số 07/2025/TLST-HNGĐ về việc xin ly hôn theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2025 của chị Lò Thị T. Do bị đơn anh Ye G là người ở nước ngoài đang sinh sống tại Trung Quốc (T), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành các thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (phiên họp hòa giải) cho anh Ye G. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 474; khoản 1 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì không tiến hành hoà giải được.

Bị đơn hiện đang cư trú ở nước ngoài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại các Điều 474 và 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 17, Điều 20 của Thông tư số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Song, đến thời điểm xét xử, Tòa án chưa nhận được kết quả thực hiện việc ủy thác tư pháp.

Ngày 05/3/2026. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án lần 1, nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai (hôm nay) bị đơn vẫn không có mặt. Xét thấy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Ye G hiện đang cư trú tại CHDCND Trung Hoa theo quy định, thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa Nhân dân T1. nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được kết quả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhận được văn bản lời khai thể hiện là của bị đơn nhưng không kèm theo giấy tờ tùy thân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân của người gửi nên không xác định chắc chắn người gửi là bị đơn trong vụ án. Do đó, không có cơ sở xác định đây là ý kiến chính thức của bị đơn trong quá trình tố tụng. Xác định là nguồn thông tin tham khảo, gián tiếp cho thấy bị đơn có thể biết về việc ly hôn, điều này giúp củng cố rằng quyền trình bày ý kiến của bị đơn không bị tước bỏ. Việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án đảm

bảo quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp cần thiết để tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định, việc chưa nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp không phải do lỗi của Tòa án. Mặt khác, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình: vợ hoặc chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi cho rằng quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục duy trì. Việc giải quyết vụ án không thể bị kéo dài vô thời hạn do việc tổng đạt ra nước ngoài không có kết quả, bởi điều này sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đồng thời không bảo đảm nguyên tắc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì vậy, để bảo đảm quyền yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và tránh kéo dài việc giải quyết vụ án không cần thiết, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Ye G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La ngày 25/4/2019. Quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn, chị T và anh Ye G phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung. Từ tháng 7/2020 anh chị đã sống ly thân đến nay Chị T xin ly hôn với anh Ye G.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự, cần chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh G không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng, lệ phí: Chị Lò Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp án phí, lệ phí dịch thuật, chi phí ủy thác tư pháp theo quy định chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 70, Điều 72; Điều 227; Điều 228; Điều 469; điểm a khoản 1 Điều 474; Điều 476; Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 9, Điều 44 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư 12/2016/TTLT-BTP-BNV-TANDTC ngày

19/10/2016 về trình tự thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Lò Thị T và anh Ye G .

Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 01 ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân huyện M, tỉnh Sơn La không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có, Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí - lệ phí, chi phí ủy thác:

3.1. Về lệ phí: Chị Lò Thị T phải chịu số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí ủy thác ra nước ngoài đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000211 ngày 19/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3.2. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000090 ngày 06/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Lò Thị T đã nộp đủ các chi phí trên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đối với bị đơn anh Ye G có quyền kháng cáo trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện Phúc thẩm I – VSKND Tối Cao;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- UBND xã Lóng Sập;
- UBND phường Mộc Châu;
- Sở Tư pháp;
- Phòng TT,KT và THA;
- Tổ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan

